| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BÌNH CHÁNH**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 409/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20-5-2024
V/v ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Xuân Dũng
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Bà Trần Thị Nga
2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 848/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 152/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Bà **Huỳnh Thị N**, sinh năm: 1978; Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*2. Bị đơn:* Ông **Nguyễn H**, sinh năm: 1969; Địa chỉ: Tổ M, ấp B, xã B, huyện B, TP. Hồ Chí Minh (vắng mặt không có lý do chính đáng).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 8 năm 2023, bản tự khai và các tài liệu khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị N trình bày*:

Bà và ông Nguyễn H sống chung và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, Quận N, TP. Hồ Chí Minh vào năm 1999. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H uống rượu, bia và về đánh vợ, con. Bà và ông H bắt đầu sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Huỳnh V, sinh ngày 28/01/1997; Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 10/3/2001 và trẻ Nguyễn Huỳnh Q, sinh ngày 24/10/2012. Nguyễn Huỳnh V và Nguyễn Huỳnh N đã trưởng thành. Khi ly hôn

bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Q, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn theo đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị N; bà N chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Huỳnh Thị N khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn H, đây là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Nguyễn H có nơi cư trú tại huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông H theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy bà Huỳnh Thị N và ông Nguyễn H có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 030, quyển số 01/99 do Ủy ban nhân dân Phường N, Quận N, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 14/4/1999. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị N và ông Nguyễn H là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Ông Nguyễn H đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; được triệu tập hợp lệ để lấy lời khai; được triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; được thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không trình bày ý kiến phản đối về những tình tiết do phía nguyên đơn cung cấp, cũng như những tình tiết do Tòa án thu thập. Căn cứ Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì những tình tiết do phía nguyên đơn cung cấp được chấp nhận mà không phải chứng minh. Căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị N: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N xác nhận trong quá trình chung sống giữa bà và ông H có phát sinh mâu thuẫn do ông H ăn nhậu và về đánh vợ, con. Đến năm 2021, bà N và ông H bắt đầu ly thân cho đến nay.

[6] Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

1. "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

*2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác".*

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".*

[7] Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình chung sống, bà N và ông H có xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn theo bà N trình bày là do ông H uống rượu bia và về đánh vợ, con. Đến năm 2021, bà N và ông H bắt đầu ly thân cho đến nay. Như vậy, xét về mặt tình nghĩa vợ chồng thì hiện tại bà N và ông H không còn thương yêu chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình. Mặt khác, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham dự các phiên hòa giải và tham dự phiên tòa nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do, không có thiện chí để Tòa án tiến hành hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ. Căn cứ các quy định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân của bà N và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà N yêu cầu ly hôn với ông H là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

[8] Về con chung: Bà N xác nhận trong quá trình chung sống, bà và ông H có 03 con chung là Nguyễn Huỳnh V, sinh ngày 28/01/1997; Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 10/3/2001 và trẻ Nguyễn Huỳnh Q, sinh ngày 24/10/2012; Nguyễn Huỳnh V và Nguyễn Huỳnh N đã trưởng thành. Hiện tại trẻ Q đang sống cùng với bà N. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Q, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

[9] Do ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không đến Tòa án để thể hiện ý kiến đối với yêu cầu về con chung nên ông H đã tự từ bỏ quyền yêu cầu về con chung và quyền chứng minh điều kiện, khả năng chăm sóc con, do đó Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vấn đề con chung theo yêu cầu của bà N. Xét thấy yêu cầu của bà N là có căn cứ và phù hợp với nguyện vọng của trẻ, đồng thời để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao trẻ Q cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N về việc được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Huỳnh Q sau khi ly hôn. Ghi nhận

việc bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, nếu sau này các đương sự có sự tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[10] Về tài sản chung: Do bà Huỳnh Thị N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

[11] Về nợ chung: Do bà Huỳnh Thị N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên*,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92, khoản 4 Điều 147, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 8, 9, 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N về việc yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị N được ly hôn với ông Nguyễn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 030, quyển số 01/99 do Ủy ban nhân dân Phường N, Quận N, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 14/4/1999 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Bà Huỳnh Thị N và ông Nguyễn H có 03 (ba) con chung là Nguyễn Huỳnh V, sinh ngày 28/01/1997, Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 10/3/2001 và trẻ Nguyễn Huỳnh Q, sinh ngày 24/10/2012. Nguyễn Huỳnh V và Nguyễn Huỳnh N đều đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Giao trẻ Nguyễn Huỳnh Q cho bà Huỳnh Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Nguyễn H không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích con chung, sau này các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0020478 ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Huỳnh Thị N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thị N, ông Nguyễn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND Phường N, Quận N, TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Dũng**